

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Ông Võ Thanh Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Nhà văn hóa tổ dân phố 4, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T; sinh ngày 13 tháng 5 năm 1990, tại Quảng Bình. ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 8, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy công trình; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Th, sinh năm: 1964 và bà: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1966; hiện bà trú tại: Thôn 8, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; chưa có vợ con; tiền sự: không, tiền án: 01 - Ngày 25/11/2016 bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: Ngày 26/9/2016 bị TAND huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/11/2016 bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phúc thẩm 05 tháng tù. Thi hành án tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Bình. Ngày 01/01/2017 ra trại về lại địa phương làm nghề lái máy công trình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 16/01/2018 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới, có mặt

tại phiên tòa theo Lệnh trích xuất.

- *Nguyên đơn dân sự:*

Công ty TNHH M; địa chỉ: Số 58 đường N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chủ tịch kiêm giám đốc; người đã diện theo ủy quyền anh Tr, sinh ngày: 12/10/1984; chức vụ: Kỹ sư xây dựng Công ty TNHH M, vắng mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Khánh V, sinh ngày: 10/5/1991; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Đỗ Văn Th, sinh ngày: 28/12/1964; địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02h 00' ngày 17/12/2017, Đỗ Văn T sử dụng xe mô tô BKS 73K3-3560 (xe của ông Đỗ Văn Th là bố của T) chạy từ huyện B vào thành phố Đồng Hới. Trên đường đi T lấy trộm 01 xe ba gác ở xưởng nhôm kính của anh Lê Khánh V ở thôn C rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô kéo theo xe ba gác chạy vào thành phố Đồng Hới. Khi đến thôn 16, xã L, thành phố Đồng Hới phát hiện Khách sạn Ph do Công ty TNHH M đang thi công, bên trong có nhiều sắt thép không có người trong giữ. Tiến đột nhập vào trong lấy trộm 94 thanh sắt các loại chất lên xe ba gác chuẩn bị tẩu thoát thì có người phát hiện. T bỏ xe ba gác lại lấy xe máy chạy trốn vào quán sửa xe máy ven đường. Khoảng 4h T quay lại để tiếp tục lấy trộm thì bị lực lượng Công an xã phát hiện, bắt giữ. Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu MOBELL màu xanh, 700.000đ của T và toàn bộ tang vật liên quan đến vụ án.

Kết luận định giá số 881/KL-ĐG ngày 29/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: 94 thanh sắt có tổng trị giá 10.959.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ và trả lại cho Công ty TNHH M 94 thanh sắt trên. Anh Trần Thanh T đại diện hợp pháp của Công ty đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Trả lại cho ông Đỗ Văn Th 01 xe mô tô BKS 73K3-3560.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSDH-KT ngày 20 tháng 3 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về dân sự: Không có ai yêu cầu nên không xen xét giải quyết. Về vật chứng: Trả lại cho T một điện thoại và tạm giữ 700.000 đồng của T để đảm bảo thi hành án.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Đồng Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, số lượng tài sản và quá trình diễn biến phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Đỗ Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm 94 thanh sắt các loại của Công ty TNHH M, trị giá 10.595.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Đánh giá tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đỗ Văn T là thanh niên đã trưởng thành, có đủ trình độ nhận thức về xã hội, là đối tượng đã từng bị xét xử về hành vi trộm cắp, đang trong thời gian có

tiền án nhưng không biết lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm 94 thanh sắt của Công ty TNHH M nên lần này T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo vì ham chơi, thích sống hưởng thụ, không muốn lao động chỉ muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vừa mới ra trại đầu năm 2017 thì cuối năm tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo rất liều lĩnh, bất chấp hậu quả. Khi bị phát hiện, mặc dù đã bỏ chạy, nhưng bị cáo chỉ để tìm nơi ẩn nấp sau đó tiếp tục quay lại thực hiện hành vi trộm cắp đến cùng, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình cũng xem xét cho bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T đã có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi, bố bị cáo là người có công được tặng thưởng Huân chương chiến công, Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên sẽ được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Trong vụ án này Đỗ Văn T sử dụng xe mô tô BKS 73K3-3560 là xe của bố (ông Đỗ Văn Th) làm phương tiện phạm tội nhưng ông Th không biết nên không phạm tội, nên Cơ quan công an đã trả lại xe cho ông Th. Đối với xe ba gác mà T lấy ở huyện Bố Trạch dùng để chở 94 thanh sắt khi trộm Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đồng Hới đã có công văn và chuyển vật chứng đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bố Trạch để xử lý theo thẩm quyền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho nguyên đơn dân sự, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về vật chứng: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS.

Về chiếc điện thoại của T Cơ quan điều tra thu giữ không phải công cụ phương tiện phạm tội cần trả lại cho T. Về số tiền thu giữ của Tiến 700.000đ cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án, số tiền còn thừa sau khi đảm bảo thi hành án trả lại cho Tiến.

[8] Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:
 - 2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.
 - 2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/01/2018.
3. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho nguyên đơn dân sự, không yêu cầu gì thêm nên không xét.
4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 106 BLTTHS.
 - Trả lại cho Đỗ Văn T một điện thoại hiệu Mobell, màu đen xanh đã qua sử dụng.
 - Tạm giữ của Đỗ Văn T số tiền 700.000đ để bảo đảm thi hành án, số tiền còn thừa sau khi đảm bảo thi hành án trả lại cho Đỗ Văn T.Tất cả các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2018.
5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/5/2018). Đối với nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lư hồ sơ.
- Lưu án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Lộc